TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị H, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: tổ E, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Hồng H1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 09/02/2017.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng khá hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây thì giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H1 không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu bia, tham gia chơi cờ bạc. Bà H đã nhiều lần khuyên can nhưng ông H1 không có sự thay đổi. Từ tháng 6/2025 đến nay thì hai vợ chồng đã sống ly thân, hai vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà H đã về nhà mẹ ruột của bà H tại ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Hồng H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 01 con chung Nguyễn Lê Nhã T, sinh ngày 10/12/2017. Cháu T hiện đang ở chung với bà H tại ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông Nguyễn Hồng H1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đồng/tháng.

Bà H hiện đang làm giáo viên tại trường mầm non H2, thu nhập hàng tháng khoảng 12,5 triệu đồng. Bà H có nhà ở, thu nhập ổn định và có sự hỗ trợ của phía bên ngoại nên có thể đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu T từ nhỏ đến nay đều do bà H trực tiếp chăm sóc. Ông H1 thì làm công nhân, thu nhập thì bà H không rõ, ông H1 thì cũng không có sự quan tâm chăm sóc con nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Hồng H1 nhưng ông H1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H, bị đơn ông Nguyễn Hồng H1 vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng H1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng H1 đang cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H, bị đơn ông Nguyễn Hồng H1 vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/02/2017, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Hồng H1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Xét thấy, bà H xác định giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H1 không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu bia, tham gia chơi cờ bạc. Bà H đã nhiều lần khuyên can nhưng ông H1 không có sự thay đổi. Từ tháng 6/2025 đến nay thì hai vợ chồng đã sống ly thân, hai vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H1 nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông H1 đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông H1 cũng không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhã T, sinh ngày 10/12/2017. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu T là con gái, hiện đang sống cùng với bà H và có nguyện vọng được sống chung với bà H. Bà H có công việc và nơi ở ổn định nên đảm bảo điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H1 cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà H yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Lê Nhã T, sinh ngày 10/12/2017 số tiền 3.000.000đồng/tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Với tình hình kinh tế xã hội, mức sống hiện nay, việc bà H yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đồng/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ ngày xét xử (05/9/2025) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội

đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ông Nguyễn Hồng H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng H1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hồng H1.

1.2. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Lê Nhã T, sinh ngày 10/12/2017 cho bà Lê Thị H được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Hồng H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Lê Nhã T, sinh ngày 10/12/2017 số tiền 3.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ ngày xét xử (05/9/2025) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Hồng H1 phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003972 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Trung

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.